

Bản án số: 81/2024/ST-HNGĐ
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Đặng Huyền Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Y** – Sinh năm: 1999

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Bà Lê Thị K – Sinh năm: 1959 (Mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T) - Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Y vắng mặt. Tuy Nên, theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Y trình bày:*

Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19/2019 ngày 20/3/2019 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc và sinh được 02 con chung. Tuy Nên, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không tin tưởng vợ, anh T ghen tuông nhưng không có cơ sở. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 28/02/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, 2 con ở với anh T. Nay ly hôn chị Y có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tuy Nên nếu anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con thì chị Y cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tuy Nên, thông qua bà Lê Thị K là mẹ đẻ của anh T, anh T đã có ý kiến như sau:

Anh T và gia đình bà K đều mong muốn chị Y quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, tuy Nên chị Y không đồng ý. Nay chị Y muốn ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung: Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con do từ khi vợ chồng sống ly thân, các con ở với anh T tại nhà bà K. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị Y không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nên không có thời gian đến Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh T.

- Tại phiên tòa, người làm chứng bà Lê Thị K vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà K đã khai:

Anh Nguyễn Văn T là con trai bà K, còn chị Y là con dâu. Anh T và chị Y kết hôn với nhau vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Thị Hà N và cháu Nguyễn Thị Minh N. Sau một thời gian, vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay sống ly thân. Bản thân anh T và gia đình đều mong muốn chị Y quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, tuy Nên chị Y không đồng ý. Nay chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T biết vì sau khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong vụ án, bà K đều giao lại cho anh T, tuy Nên do anh T bận đi làm từ sáng đến tối nên không thể lên Tòa án để giải quyết được. Nay chị Y muốn ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung: Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con do từ khi vợ chồng sống ly thân, các con ở với anh T tại nhà bà K. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị Y không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nên

không có thời gian đến Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh T.

- *Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải, xét xử và có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án và đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng thông qua người thân bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 28/02/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu; Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn là anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Y có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan, tuy Nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, tuy Nên thông qua người thân là mẹ của bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con chung, khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn, chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Y, anh T và gia đình anh T mong muốn chị Y quay về đoàn tụ, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để làm việc để Tòa án hòa giải, thể hiện anh T không mong muốn đoàn tụ với chị Y. Nay chị Y vẫn cương quyết ly hôn, thông qua bà Lê Thị K, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Y. Vì vậy, Tòa án có căn cứ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị Y và anh T đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

[2.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 28/02/2019. Từ khi vợ chồng chị Y và anh T sống ly thân, hai con ở cùng với anh T. Nay ly hôn chị Y đồng ý để anh T nuôi 2 con và anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả 2 con. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Thị Hà N và Nguyễn Thị Minh N cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của các đương sự. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

* **Về nuôi con chung:** Giao con chung là Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 28/02/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng T.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Trần Thị Y cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* **Về án phí:** Chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0007864 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

* **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

